

Âm nhạc trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng

SƠN NGỌC HOÀNG

Trong lễ cưới truyền thống của người Khmer Nam Bộ, âm nhạc đóng một vai trò rất quan trọng. Có thể coi lễ cưới của người Khmer là một hình thức diễn xướng tổng hợp mà ca hát chiếm một tỉ trọng lớn. Đó là nét văn hóa đặc trưng trong văn hóa truyền thống của người Khmer Nam Bộ. Nội dung của từng lễ thức được thể hiện bằng cách phối hợp giữa dàn nhạc lễ cưới (*Phlêng ka*) với những giai điệu âm nhạc, lời ca, động tác múa được gắn kết chặt chẽ với nhau.

Bài viết này nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống khoa học về thể loại âm nhạc trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng nhằm phát hiện ra những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của nó trong kho tàng âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ tại vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói chung trong xã hội hiện nay.

1. Mở đầu

Lễ cưới của người Khmer ở Sóc Trăng được gọi là *Pithi Apea- Pipea*. Lễ cưới của người Khmer được tổ chức theo phong tục cổ truyền, có thể nói, là một diễn trình thực hiện những lễ nghi, trò diễn nối tiếp nhau. Giai điệu của mỗi bài ca, bản nhạc được sử dụng như một phương tiện đóng góp tích cực trong quá trình chuyển tải nội dung của hoạt động nghi lễ, mỗi bản nhạc khác nhau dành cho một lễ thức khác nhau. Xét theo góc độ ý nghĩa sử dụng, thì mỗi nội dung đều có một vai trò và vị trí nhất định, gắn kết với quá trình hành lễ của vị Môha. Trong tất cả các bài ca, bản nhạc đều có liên quan đến những đám cưới của các nhân vật nổi tiếng trong các truyện dân gian, cổ tích, thần thoại của người Khmer, ví dụ như Preah Riêm lấy nàng Sê Đa, do Preah Môha Mithéla Rici làm chủ hôn; Keisna lấy Jali do Preah Vessantara làm chủ hôn; hoặc Preah Thông lấy nàng Neang Neak... Đó là những đám cưới rất quan trọng, vì xuất phát từ những đám cưới đó, người ta còn giữ lại nhiều nghi lễ đẹp cho đến ngày nay. Đồng thời, tất cả nội dung của âm nhạc lễ cưới đều thể hiện lòng biết ơn của

con cháu đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em trong gia đình. Âm nhạc còn là những cung bậc ca ngợi tình yêu chung thủy, son sắt của đôi vợ chồng trẻ. Đồng thời, âm nhạc còn là những lời dạy cô dâu, chú rể về nhiệm vụ thiêng liêng của người chồng, người vợ, người cha, người mẹ trong tương lai.

Cùng với âm nhạc, múa nghi lễ đóng một vai trò quan trọng trong lễ cưới của người Khmer. Phần lớn các bài hát trong các nghi thức của lễ cưới đều gắn với múa, bởi mỗi nghi thức là một trò diễn tổng hợp nhằm minh họa nội dung cho từng nghi tiết của lễ cưới.

Đã có một số công trình bước đầu tìm hiểu về nền âm nhạc dân gian của người Khmer Nam Bộ nói chung như *Dân ca Hậu Giang* (1986) của nhóm tác giả Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Nguyễn Văn Hoa, Minh Luân. Tác phẩm nói trên đã bước đầu tiếp cận âm nhạc dân gian của người Khmer Nam Bộ nhưng ở góc độ hẹp: một số bài bản dân ca Khmer Nam Bộ đã được thu âm và kí âm bằng nốt nhạc, có dịch nghĩa tiếng Việt, phân tích thang âm, điệu thức của các làn điệu dân ca Khmer của một số tỉnh trong khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, các

bài bản âm nhạc trong tổ chức hoạt động nghi lễ dân gian Khmer Nam Bộ vẫn còn thiếu hụt, chưa sưu tầm một cách đầy đủ và có hệ thống. Công trình nghiên cứu *Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ* (2005) và *Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng* (2007) của nhóm tác giả Sơn Ngọc Hoàng, Đào Huy Quyền, Ngô Khị đã nghiên cứu chuyên sâu về kho tàng nhạc khí của người Khmer Nam Bộ nói chung và người Khmer Sóc Trăng nói riêng. Hoàng Túc với công trình nghiên cứu *Diễn ca Khmer Nam Bộ* (2011) đã tìm hiểu sâu phong tục tập quán, lễ nghi, tín ngưỡng, đám ma, đám cưới của người Khmer Nam Bộ, từ đó cho ta thấy đây là một kho tàng ca diễn, múa rất phong phú về tính chất và thể loại.

Trần Văn Bốn là người đã có nhiều đóng góp trong công tác nghiên cứu, sưu tầm phong tục, tập quán, nghi lễ của người Khmer Nam Bộ. Năm 1999, ông cho xuất bản công trình nghiên cứu về *Một số lễ tục dân gian người Khmer ĐBSCL*, và sau đó là công trình *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ* ra đời năm 2002. Trong hai công trình trên, tác giả đã đề cập một cách khái lược đến những vấn đề về gia đình người Khmer Nam Bộ trong việc tổ chức các nghi lễ vòng đời. Tuy nhiên, tác giả không đi sâu về khía cạnh âm nhạc trong các nghi lễ nói trên. Năm 2010, Võ Thành Hùng trong tác phẩm *Nghi lễ vòng đời người Khmer tỉnh Sóc Trăng* đã có cái nhìn khá sâu sắc và toàn diện về tổ chức nghi lễ vòng đời của người Khmer tỉnh Sóc Trăng trên các mặt: các tục lệ liên quan đến sinh nở và nuôi dạy con cái, lễ nghi cưới hỏi, các tục lệ liên quan đến tuổi già, tang, tế, những biến đổi trong nghi lễ vòng đời người Khmer ở Sóc Trăng. Đặc biệt, tác giả đã phân tích, lí giải về các giá trị của nghi lễ vòng đời nhìn từ góc độ văn hóa. Công trình đã giúp cho chúng tôi có thêm nguồn tư liệu cần thiết làm cơ sở cho việc nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực âm nhạc dân gian trong các hoạt động nghi lễ của người

Khmer ở Sóc Trăng hiện nay. Công trình nghiên cứu *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* (2012) do Ngô Đức Thịnh chủ biên là tập hợp các bài nghiên cứu về tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam theo hướng tiếp cận văn hóa học. Đặc biệt, chúng tôi quan tâm đến hai bài nghiên cứu "Tín ngưỡng, tôn giáo và ca nhạc cổ truyền" và "Múa nghi lễ (múa thiêng)" của Nguyễn Thụy Loan. Trong những nghiên cứu này, tác giả đã phân tích, lí giải quá trình nảy sinh mối quan hệ giữa tín ngưỡng tôn giáo và âm nhạc. Theo đó, tín ngưỡng tôn giáo đã có những tác động quan trọng tới sự phát triển của ca nhạc cổ truyền trên nhiều khía cạnh khác nhau. Trong bài "Múa nghi lễ", tác giả đã dành một phần quan trọng để nghiên cứu về múa nghi lễ của người Khmer. Tuy nhiên, tác giả không đi sâu phân tích khía cạnh âm nhạc phục vụ trong các nghi lễ nói trên mà chỉ đưa ra một số nhận định mang tính khái quát chung. Năm 2014, luận văn Thạc sĩ của Sơn Lương về "Lễ cưới của người Khmer ở Sóc Trăng" đã nghiên cứu tổng thể về tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền của người Khmer ở Sóc Trăng. Tuy nhiên, tác giả không đi sâu vào lĩnh vực thực hành âm nhạc trong lễ cưới mà chỉ đề cập một cách chung chung.

Bên cạnh đó, âm nhạc và nghi lễ Khmer còn được đề cập trong một số bài viết của Hoàng Túc như "Nghệ thuật âm nhạc và biểu diễn của người Khmer vùng ĐBSCL" (1988) và "Diễn ca Khmer Nam Bộ" (2011), của Thạch Voi như "Khái quát về người Khmer ở vùng ĐBSCL" (1988), "Tín ngưỡng - Tôn giáo của người Khmer vùng ĐBSCL" (1993), và "Phong tục tập quán của người Khmer vùng ĐBSCL" (1993), bài viết của Thạch Voi - Hoàng Túc về "Phong tục lễ nghi của người Khmer ĐBSCL" (1988), của Sơn Lương về "Lễ cưới của người Khmer Sóc Trăng" (2014). Ngoài ra còn có một số sách, bài viết bằng tiếng Khmer đã được xuất bản tại Campuchia như *Nghi lễ cưới hỏi*

(1965) của Chapin, *Âm nhạc-múa và sân khấu Khmer (Dol t'rây, Rôbăm & La khône Khmer)* (2006) của Chhên Ponh - Pich Tum Kravel, *Nghi lễ truyền thống Khmer* (2003) của Chhưng Thanh Sô Phone, *Khmer Orchestra* (dàn nhạc Khmer) (2004) của Hun Sa Rin.

Tóm lại, trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, các công trình, bài nghiên cứu nêu trên đều nhận định một cách khái quát về nền văn hóa nghệ thuật truyền thống của người Khmer. Riêng lĩnh vực âm nhạc trong lễ cưới của người Khmer Nam Bộ hiện nay vẫn còn đang bỏ ngỏ.

Trong phạm vi giới hạn của bài viết, chúng tôi chỉ giới thiệu về thể loại âm nhạc dân gian mang tính đặc trưng còn được bảo lưu và thực hành trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng hiện nay.

2. Quy trình tổ chức lễ cưới cổ truyền của người Khmer Sóc Trăng

Theo phong tục cổ truyền, lễ cưới của người Khmer thường được chọn theo dương lịch và diễn ra trong ba ngày với ba giai đoạn :

Giai đoạn 1: Lễ nói (*Sđây Donh Đâng*) là lễ đầu tiên trong hệ thống các nghi lễ cưới hỏi của người Khmer. Trong lễ này, chàng trai chọn Nek Chău Maha (người mai mối) đến nhà gái làm lễ nói. Lễ vật gồm trầu cau, bánh, trái cây, mỗi thứ đều số chẵn. Bà mối trong lễ Sđây Donh Đâng phải là người có uy tín trong phum sóc, ăn nói hoạt bát, hiểu biết nhiều, đồng thời phải là người đã lập gia đình, có cuộc sống vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc, con cháu đầy đủ. Bà mối đến nhà gái đàm hỏi và tìm hiểu ngày tháng năm sinh của cô gái.

Giai đoạn 2: Lễ hỏi (*Long Maha*), hai nhà thông báo cho thân nhân và lối xóm biết hai đảng đã chính thức kết xui gia. Lễ vật nhà trai mang sang nhà gái gồm: 2 đùi heo, 2 con gà, 2 con vịt, 4 nải chuối, 4 chai rượu, 4 gói trà, 4 gói trầu và một số tiền. Sau khi định rõ ngày

lành tháng tốt, ông-bà mối cùng chàng trai mang lễ vật đến cúng tổ tiên đảng gái. Lễ vật được đặt trên các đĩa bạc hoặc trong các thạp gỗ sơn son thếp vàng. Vị Acha đọc kinh cầu nguyện, kinh phù hộ cho đôi trai gái thành vợ chồng và có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Sau đó họ chọn người ăn nói vui vẻ đến dự tiệc ăn hỏi hầu mang niềm vui cho hai họ, nhất là cô dâu chú rể. Sau lễ hỏi, chú rể tương lai được phép đến nhà cô dâu để hầu hạ cha mẹ vợ sắp cưới của mình.

Giai đoạn 3: Lễ cưới (*Pithi Apea Pipea*) là lễ quan trọng nhất trong hệ thống lễ cưới của người Khmer. Thuật ngữ *Apea Pipea* có ý nghĩa như sau : Ngày xưa, lễ cưới của người Khmer chỉ có *Pipea* mà thôi và nó được hiểu là *Vu quy*. Bởi vì, người Khmer ngày xưa theo chế độ mẫu hệ nên việc tổ chức lễ cưới chỉ diễn ra tại tư gia đảng gái và chú rể sẽ qua ở nhà cô dâu tức là ở rể. Theo nghi thức cổ truyền của dân tộc, lễ cưới của người Khmer sẽ được diễn ra trong vòng ba ngày. Ngày nay, do có sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc cùng cộng cư, nên lễ cưới được tổ chức tại cả hai bên gia đình, còn việc quyết định cô dâu sẽ theo chồng hay chú rể sẽ theo vợ là chuyện cả hai bên cùng bàn bạc và quyết định. Từ đó, lễ cưới được gọi là *Apea Pipea* và chỉ còn tổ chức trong một ngày đêm mà thôi.

3. Hệ thống bài bản âm nhạc trong lễ cưới cổ truyền

Lễ cưới được tổ chức theo phong tục cổ truyền (*Bô ran*) của người Khmer ở Sóc Trăng thường kéo dài trong ba ngày với nhiều lễ tiết phức tạp. Trong lễ cưới *Bô-ran* còn có sự kết hợp cả một chuỗi nghệ thuật ca - múa - nhạc dân gian trong các nghi thức tế lễ do ông Môha biểu diễn cùng với dàn nhạc lễ cưới. Đặc biệt ông Môha phải là người am hiểu sâu sắc về các lễ thức trong đám cưới, phải là người biết hát hay, múa đẹp và biểu diễn nghệ thuật đúng theo quy định của tục cưới cổ truyền Khmer.

Trong lễ cưới cổ truyền, các bài ca, bản nhạc trong hệ thống *Phlêng Ka* (nhạc cưới) đóng một vai trò rất quan trọng, trong đó chứa đựng những yếu tố thần thoại mà cách diễn tả nổi tiếng nhất trong lịch sử văn hóa truyền thống của người Khmer. Đó là truyền thuyết về đám cưới của *Preah Thông* và nàng *Neang Neak*, con gái vua Naga (thủy thần có lối rắn, còn gọi là "*Phujanga*" hay "*Bibhap Nag*").

Trong các làn điệu, bài bản của nhạc lễ cưới đều mang ý nghĩa cho từng sự việc, từng nghi thức khác nhau trong nghi lễ. Cho nên, trong quá trình tiến hành lễ cưới, các bài ca, bản nhạc đã quy định phải được sử dụng đúng lúc, đúng chỗ nhằm nhấn mạnh nội dung của từng lễ thức. Cho đến nay, các bài bản âm nhạc lễ cưới về cơ bản đều được giữ nguyên, ít có thay đổi. Tuy nhiên, do yếu tố truyền dạy bằng phương thức truyền khẩu và truyền ngón từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho nên nó cũng có những biến hóa khác đi tùy theo trình độ kĩ năng, kĩ xảo của người nhạc công cũng như tài năng trình diễn của ông Môha. Tính chất âm nhạc vui tươi, trữ tình, sâu lắng kết hợp với các điệu múa theo nội dung trong từng lễ thức như một trò diễn xướng dân gian tổng hợp.

Ngày thứ nhất: ngày nhập gia (*Thngay chôn rôn*), sáng sớm ngày đầu tiên, nhà gái nấu 2 mâm cơm để cúng tổ tiên và xin phép tổ tiên cho con gái đi lấy chồng, đặc biệt làm một đĩa "*bai pro lung*" (cơm gọi hồn). Đó là một nắm cơm được gói trong lá chuối, có dán giấy đỏ, trên đỉnh cắm một bông vạn thọ, ba trái chuối chín và sợi chỉ hồng. Khi cúng tổ xong, người ta làm lễ gọi hồn, rồi lấy chỉ hồng cột tay cô gái để hồn vía nàng đừng ra khỏi, đồng thời để nàng đủ sáng suốt khi về nhà chồng. Đồng thời, nhà gái tiến hành cất rạ (*son rôn*), dựng bàn trời (*rean têvôda*), trang trí bàn thờ gồm nhiều lễ vật như bánh trái, nhang đèn, rượu, mỗi thứ một đôi và một lễ vật không thể thiếu,

đó là cặp bánh gừng (*num khnhây*) - loại bánh biểu tượng của hạnh phúc lứa đôi. Cũng trong ngày *chôn rôn*, nhà trai chuẩn bị các thứ dùng trong nghi lễ như: thon rôn, thanh đao, một đôi chiếu bông, một cặp gối mới; quý nhất là buồng hoa cau gọi là *phkar sla*.

Trong đám cưới cổ truyền, thì vào buổi chiều hôm đầu tiên, dàn nhạc lễ cưới sẽ trình tấu điệu nhạc *Hum Rôông* để mở đầu cho lễ cưới sẽ được tiếp tục kéo dài trong ba ngày sau đó. Theo ý kiến nhận xét của các nghệ nhân Khmer, bản nhạc *Hum Rôông* được trình tấu nhằm mục đích để trao tặng cho thần bảo vệ hạnh phúc của đôi vợ chồng mới và cũng để mời thần về nhận các lễ vật, đồng thời cũng để biến không gian nơi hành lễ thành một nơi thật thiêng liêng, nơi ban phúc lành cho hạnh phúc bền chặt của cô dâu và chú rể.

Bài hát "Cắt hoa cau" (*Kat phka sla*), bài "Bóng dừa" (*Mlup đôông*) được hát lên trong lúc ông Môha làm lễ cắt hoa cau từ trên cây xuống. Theo nền nhạc diễn tấu, ông Môha làm một số động tác phù phép xuất thần và vào vai dẫn dắt một thanh niên khỏe mạnh trèo lên cây hái bẹ cau và phải giữ bẹ cau còn nguyên vẹn không được trầy xước, bởi hoa cau còn đang ấp bẹ là biểu tượng cho sự trong trắng của cô dâu và chú rể. Lễ cắt hoa cau còn được lí giải dựa trên câu chuyện dân gian Khmer. Câu chuyện dân gian trong lễ thức cắt hoa cau nói lên quan niệm đạo đức thẩm mĩ của người Khmer về lòng chung thủy giữa tình bạn, tình vợ chồng, tình anh em với nhau trong cuộc sống.

Sau khi hoa cau được đem xuống, người ta đặt nó vào trong một chiếc khăn màu hồng rồi gói lại và buộc bằng những sợi chỉ hồng. Chiếc mâm đựng hoa cau để đưa đến nhà gái do người phụ rể đội, trên đó còn có một ngọn đèn dầu đang cháy cùng một số đồ vật khác. Bài hát "Hoa trên trời" (*Phka lơ mêk*) được trình diễn để nói lên giá trị của trầu cau trong lễ cưới.

Ngày thứ hai: ngày cưới (*Thngay Si com not*) là ngày chính của lễ cưới, với các lễ thức được tiến hành theo trình tự như sau:

Đến ngày cưới, bên nhà trai đem lễ vật qua bên nhà gái. Đoàn đi rất đông, có dàn nhạc đi theo. Bài hát "Con voi hai ngà" (*Dom rây phluc tól*), bài "Voi trắng" (*Đầm rây So*) được hát lên trong suốt chặng đường từ nhà trai sang nhà gái do dàn nhạc lễ cưới vừa đàn vừa hát tạo nên bầu không khí vui tươi, phấn khởi.

Như đã quy định, nhà gái hôm ấy rào kín cổng, ý nói lên rằng bên nhà gái có cô dâu còn trinh tiết. Lúc đoàn nhà trai vừa tới cổng. Hai nhân vật đại diện cho nhà trai và nhà gái diễn cảnh xin được phép mở cửa rào. Ông Môha là người vừa thông thạo các lễ cưới, vừa có tài múa hát và diễn trò đúng kiểu, đúng cách. Hát múa "Mở cổng rào" (*Rom Bok rô boong*) có nhiều khúc ca. Khi đến nhà gái, nhà trai bắt đầu hát mở lời xa, gần, nào là chuyện xin đất làm nhà, nào là chuyện xin mức nước giếng... để tìm cơ xin vào nhà. Lời hát thật vui tươi và dí dỏm đã thúc giục mẹ cô dâu cùng cô con gái (hoặc người con trai) ra cửa mở cổng đón nhà trai, mời nhà trai vào.

Nghi thức "lễ cắt tóc" (*Pithi cǎch sók*) là lễ thức đầu tiên của đám cưới. Lễ cắt tóc chỉ là động tác cắt tóc tượng trưng nhằm "làm đẹp" cho đôi tân hôn vững tin bước vào cuộc sống mới. Trong lễ thức này có các bài hát *Kǎt Xok* (03 bài), bài *Phat Cheay*, bài *Tropeng Pêay* (Đầm Pêay) để gieo vào lòng cô dâu chú rể niềm tin tưởng vào tương lai tươi đẹp và cũng để nói lên tình yêu thương chan chứa của đôi trai gái thề nguyện không bao giờ xa nhau. Lễ này cũng diễn ra trong không gian đầy ắp âm thanh đầm ấm, thiết tha.

Nghi thức "lễ trình diện Neak Ta" (*Pithi thvay Neak Ta*) mang ý nghĩa: Neak Ta được người Khmer xem là thần bảo hộ phum sóc, cho nên đối với những thành viên mới trong phum sóc (ở đây là chú rể), người ta phải đưa đến trình diện Neak Ta. Khoảng xế chiều, ông

Môha chuẩn bị lễ vật như rượu, con gà luộc, nhang đèn. Chú rể được đưa đến để trình diện và cầu xin Neak Ta công nhận và che chở cho thành viên mới của cộng đồng. Bài nhạc lễ "*Nôkô Reach*" trong lễ tiết trình diện Neak Ta cũng được dàn nhạc lễ cưới phục vụ nhằm tạo sinh khí cho buổi lễ.

Ngày thứ ba: lễ bái sánh duyên (*Pithi Sompes Phtum*). Nghi thức "lễ đón lấy giờ tốt" (*Pithi duôc Pêlea*) được diễn ra ở ngoài sân, trước bàn Trời, bàn ông Thiên (*Rean Têvôda*). Buổi hừng sáng, ông Môha dẫn người con trai đến trước bàn trời ngồi chờ rước lấy "giờ tốt". Theo phong tục, người Khmer chọn một trong ba giờ tốt sau đây: giờ nhìn thấy chim bay, giờ thấy rõ chỉ bàn tay hoặc giờ mặt trời mọc có ánh sáng tốt đẹp nhất. Trong ba giờ này, họ chọn lấy một, thường là giờ mặt trời mọc. Bởi vì đó là giờ linh thiêng, xua tan đêm tối, đón chào một tương lai mới tươi đẹp. Đúng giờ tốt, ông Môha hướng dẫn chú rể đến ngồi trước bàn lễ có bài trí các lễ vật gồm 3 bình đựng hoa cau, thon rôn, cái chén đựng gạo Angko chây, mâm trầu cau, cái thố đựng bai sây (thịt, gạo, bánh). Trong khi chờ đợi đến giờ tốt, dàn nhạc lễ cưới sẽ tấu khúc *Kang Soi*. Bản nhạc *Kang Soi* mang ý nghĩa mời các đấng siêu nhiên trên trời, các vong linh, các thần thánh bảo vệ về làm chứng cho sự kết duyên của đôi trai gái. Sau đó, có một bài hát ca ngợi tình yêu chung thủy của đôi vợ chồng. Đó là bài hát "Mặt trời đứng bóng" (*Thngay t'rong kro luôch*) mang giai điệu du dương, truyền cảm.

Nghi thức "Rước chú rể vào nhà cưới" được tiến hành khi mặt trời ló dạng, chú rể lạy mặt trời, còn ông Môha thì khấn rằng: "*Hôm nay là ngày tốt, ngày thắng lợi, xin mời Têvôda đến chứng giám và chúc mừng đôi trẻ sống lâu, trăm năm hạnh phúc*". Khấn đủ ba lần, người ta đánh lên 3 tiếng cồng báo hiệu đón được giờ tốt. Sau đó, rước chú rể vào nhà cưới. Đám rước gồm có một người cầm thanh đao đi trước dẫn đường, 3 người bưng 3 bình hoa

cau, kế tiếp là ông Môha và chú rể có che lộng, đi sau cùng là dàn nhạc lễ cưới, vừa đi vừa tấu khúc "Vua đi" (*Xdach đơ*).

Nghi thức "Tặng hoa cau" (*Pithi chuôn phka sla*) tiếp tục được tiến hành khi đoàn vào trong nhà cưới, chú rể được ngồi vào một nơi trang trọng và lần lượt dâng bình hoa cau, một kính tặng cha, một kính tặng mẹ và một kính tặng anh. Trong khi làm lễ tặng hoa cau, dàn nhạc lễ cưới tấu khúc *Preah Thông - Neang Neak* và bài hát "Cháu Priêm" (*Chao Priêm*).

Nghi thức "múa Vén màn" (*Rom Bok Veng Nôn*) diễn ra ngay sau khi nhạc tấu *Preah Thông - Neang Neak* vừa chấm dứt, ông Môha vừa múa vừa hát mời cô dâu bước ra khỏi phòng hoa chúc đến ngồi sánh đôi với chú rể. Cô dâu bước ra trong trang phục lễ cưới cổ truyền lộng lẫy, đầu đội vương miện, đến ngồi sánh đôi với chú rể. Lúc này, dàn nhạc sẽ diễn tấu phục vụ cho phần hát múa của ông Môha với bài "Vén màn hoa chúc" (*Bok weng nôn*), bài "Nàng On" (*Xrây On*), "Nàng Nô" (*Nô, Xrây Nô*) và bài "Cô gái yêu kiều" (*Xarai nưm nuôn*).

Nghi thức "lễ xoay vòng đèn Pô-pil" (*Bonh Vêl Pô-pil*): khi cô dâu chú rể đã ngồi sánh đôi, thì ông Môha đốt đèn Pô-pil (gồm cây đèn cây, tượng trưng cho Linga của Pras Ây-sô được gắn vào tờ giấy màu cứng, hình lá đa, tượng trưng cho Yô-ni của nàng Ômphaka-vatây, vợ của Pras ây-sô, lễ thức này do ảnh hưởng của Ba-la-môn giáo). Sau đó, ông Môha chọn 5 thanh niên, 4 thiếu nữ, ông mai, bà mai và ông (tất cả gồm 12 người) đứng vòng quanh cô dâu chú rể. Đèn Pô-pil sẽ được chuyển từ tay ông Môha lần lượt đến từng người xoay quanh cô dâu chú rể 3 vòng cùng lời chúc tụng cho hai người sớm có con cái nối dõi. Trong nghi thức này, dàn nhạc lễ cưới sẽ diễn tấu bài "Chung giường" (*Chum krê*).

Sau đó, ông Môha múa tiếp động tác "Mở nắp mâm trầu" (*Rom bok bai sây*), tượng trưng cho phép hai người thành vợ chồng. Bai sây là

lễ vật chỉ dành riêng cho đêm động phòng hoa chúc, gồm có: một cái mâm trong đó có 19 vát cơm trộn mè, đậu, dừa, 19 miếng trầu cau, 19 khúc mía, 19 trái chuối chín, 19 bông vạn thọ và một cặp đèn cây.

Trong lễ thức múa mở nắp mâm trầu với động tác múa chụp lấy thanh đao, gươm thẳng lên trời, ông Môha hô to "*Chây hon*", và mọi người cùng hô theo "*Chây*". Ông Môha hô "*Suôs hon*", mọi người hô theo "*Suôs*". Ông Môha hô "*Mên hon*", mọi người cùng hô "*Mên*" (*Chây, Suôs* là tên hai nhân vật trong truyện cổ tích của người Khmer Nam Bộ). Sau đó, cũng với động tác múa, ông Môha xoay thanh đao hát tung chiếc khăn đỏ đang phủ lên mâm bai sây, đồng thời hát lên một khúc hát mang nội dung chúc tụng cho đôi trai gái với bài "Chiếc khăn đỏ" (*Kon seng kro hom*).

Lễ thức *Rom bok bai sây* với điệu múa thanh đao và trao thanh đao cho cô dâu chú rể mang ý nghĩa: "Sức mạnh của chính nghĩa luôn chiến thắng gian tà, hạnh phúc chân chính luôn được sức mạnh của thanh đao bảo vệ". Hát xong, ông Môha lại nhẹ nhàng đặt thanh đao lên đôi tay của cô dâu chú rể và tiếp tục hò thêm bảy câu thơ chúc tụng về "Cây thanh đao" nữa thì kết thúc.

Nghi thức "lễ cột tay" (*Pithi Chon đay*) là một lễ thức quan trọng trong đám cưới của người Khmer, được tiến hành nhiều lần qua các lễ tiết chen kẽ với nội dung khác nhau. Lễ buộc chỉ cổ tay cho cô dâu chú rể với lời chúc mừng cho cuộc sống lứa đôi hạnh phúc, bền vững lâu dài. Người ta dùng sợi chỉ hồng cột tay hai người, chú rể cột trước rồi đến cô dâu. Họ dang trai thường cột chỉ vào tay phải của cô dâu - chú rể, họ dang gái cột vào tay trái. Mỗi lần cột tay, cô dâu chú rể đều được cho tiền bạc hoặc tặng phẩm có giá trị. Đầu tiên là cha mẹ đôi bên cột tay cho cô dâu - chú rể. Sau đó, ông Môha vừa múa vừa hát mời bà con họ hàng, bạn bè thân thích đến cột chỉ cổ tay cô dâu chú rể.

Buổi lễ được diễn ra trong bầu âm thanh, tiết tấu và giai điệu du dương của bài hát "lễ cột tay" (*Bai khanh chon day*). Nhiều người đến chúc phúc, bài hát lại càng tha thiết với những lời hát cứ được lặp đi lặp lại nhiều lần.

Nghi thức "lễ Cuốn chiếu" (*Rom Sa kanh tēl*) do ông Môha thực hiện. Đôi chiếu được người nhà trai mang đi tới, đi lui nhiều lượt, rồi mới trải ra. Ông Môha múa, miệng luôn hát "*Ai mua chiếu không?*". Không có tiếng trả lời. Buổi lễ lắng lại, ông Môha lại nói: "*Ai chuộc chiếu này sẽ có uy thế lớn và sẽ giàu có, đông con*". Nghe tới câu này, chú rể vội chạy đến ông Môha xin chuộc chiếu. Thấy cảnh đó, mọi người bèn đến vây quanh, hoan hô chú rể. Họ không tiếc lời chúc tụng vì chú rể đã có suy nghĩ và việc làm đúng. Khi chú rể chuộc được chiếu, người sinh thành cô dâu mời hai người đàn bà có đạo đức, gia đình khá giả, hạnh phúc vào trải chiếu cưới. Sau đó, họ cùng múa điệu "Quét chiếu".

Trong nghi thức "Đi vào phòng tân hôn", chú rể nắm vạt áo cô dâu bước vào phòng tân hôn. Khi cô dâu chú rể đã bước vào phòng tân hôn, ông

Môha cầm thanh đao múa theo điệu "múa cuốn chiếu", với ý nghĩa xua đuổi những điều không may đến với cô dâu chú rể và gia đình hai họ.

Danh mục bài bản âm nhạc sử dụng trong lễ cưới cổ truyền của người Khmer

STT	TÊN BẢN NHẠC	NGHI THỨC
1	Hum rôông (bài 1) Hum rôông (bài 2)	Lễ nhóm họ
2	Mlup đôn	Lễ cắt hoa cau từ trên cây xuống
3	Phka lơ mêk	
4	Đom rây thngôn phluk	Đưa chú rể sang nhà gái
5	Đom rây Xo	
6	Bok Rô boong	Hát múa mở cổng rào
7	Kất Xok (03 bài)	Lễ cắt tóc cô dâu - chú rể
8	Phat chây	
9	Tropeng Pêay	Đưa cô dâu chú rể đi tắm
10	Preah Thông - Neang Neak	Lễ nhuộm răng
11	Nôkô Rêach	Lễ trình diện Neak Ta
12	Kang Soi	Lễ đón giờ tốt (đón mặt trời)
13	Thngay t'roong kro luôch	
14	Xdach đơ	Lễ rước chú rể vào nhà cưới
15	Preah Thông - Neang Neak	Lễ dâng tặng hoa cau
16	Chao Priêm	
17	Bok weng nôn	Múa vén màn cửa phòng hoa chúc và lễ ngồi bái sám duyên
18	Xây On	
19	Xây Nô	
20	Xây Chhmoong	
21	Xarai Nưn nuôn	
22	Chum krê	Lễ xoay vòng đèn Pô pil
23	Phat Chây	
24	Rom bok bai sây	Múa mở mâm trầu
25	Kon xeng kro hom	
26	Bai khanh chon day	Lễ cột tay cô dâu chú rể
27	Bek Chan	
28	Preah Thông - Neang Neak	
29	Bach phka sla (bài thơ về hoa cau)	Lễ rắc hoa cau
30	Xarikakeo	Lễ quét chiếu và cuốn chiếu
31	Um tuk	
32	Preah Thông - Neang Neak	Nghi thức vào phòng tân hôn
33	Xarikakeo, Um tuk, A Lê, Kro bây xi xrau...	Đón tiếp khách đến dự lễ (gồm những bài hát nằm ngoài nghi thức)
34	Mê t' rây	Tiễn khách ra về
35	Amat tây	
36	Xăm pu thoi	

Vào buổi tối, người ta làm "lễ động phòng" (*Pithi Phsom dom nek*) cho đôi vợ chồng mới. Họ mời hai người đàn bà lớn tuổi, vợ chồng hòa thuận, gia đình hạnh phúc, có nhiều của cải để trải chiếu mới cho cặp tân hôn. Họ úp đôi chiếu mặt phải vào nhau, mặt trái ở dưới. Sau đó, họ dọn lễ vật ra gồm: mâm com, trái cây, trà, cau, nhang đèn, trái dừa tươi. Ngoài ra còn "*bay-sây*", một lễ vật không thể thiếu trong đêm động phòng, nhắc nhở đôi vợ chồng mới phải thương yêu, chung thủy trọn đời. Tiếp theo, họ múc nước dừa, lột chuối cho hai vợ chồng chia nhau ăn tượng trưng gá nghĩa trăm năm. Sau cùng, người ta cho đôi vợ chồng vào giường. Hai người đàn bà lớn tuổi dạy cho đôi vợ chồng mới biết cách nằm ngủ tôn trọng lẫn nhau, rồi họ mới ra ngoài. Trong thời điểm này, dàn nhạc lễ cưới sẽ trình tấu một số bản nhạc "*Peah Thong - Neang Neak*". Lễ cưới đến đây được coi là kết thúc.

Trong lễ cưới theo phong tục cổ truyền, ngoài những bài ca, bản nhạc nằm trong quy định của dàn nhạc lễ cưới, còn có một số bài dân ca Khmer dùng để chào đón khách đến dự lễ cưới như bản *Xarikakeo*, *Um Tuk*, *A lê*, *Kro bay xi xrau*. Bài hát *Mê T'rây*, *Amăt Tây*, *Xăm puu thoi* (Lui thuyền) được hát trong lúc tiễn khách ra về để kết thúc lễ cưới.

4. Nhạc khí sử dụng trong dàn nhạc lễ cưới

Theo các nguồn tư liệu cổ, tổ chức dàn nhạc lễ cưới trong xã hội cổ truyền của người Khmer Nam Bộ có tiền thân là dàn nhạc *Arāk* (dàn nhạc lễ nhập thần). Sau đó, được bổ sung thêm một vài nhạc khí từ dàn nhạc *Aday* để tăng thêm hiệu quả. Dàn nhạc lễ cưới cổ truyền được quy định chặt chẽ với biên chế nhạc khí mang tính chế định, chủ yếu là các nhạc khí của bộ dây kết hợp với bộ gõ.

Biên chế dàn nhạc lễ cưới cổ truyền (*Krôm Phlêng Ka Bô-ran*) của người Khmer Nam Bộ gồm có 07 nhạc cụ chủ yếu gồm: *Pây Puộc* (sáo tre), *Pây O* (kèn Pây O), đàn *Truô Khmer* (đàn 03 dây), *Khse Điêu* (đàn 01 dây), 02 *Skô Deay* (cặp trống tay), *Chhum* (chũm chọc).

Về phân loại nhạc khí, chúng tôi dựa trên nguyên tắc phân loại nhạc khí của Tô Ngọc Thanh và các nhà nhạc học khác. Về cơ bản, các nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới của người Khmer ở Sóc Trăng được phân loại theo bảng dưới đây:

Trải qua quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa với các cộng đồng dân tộc khác trong khu vực ĐBSCL, cũng như trong quá trình phát triển, tổ chức dàn nhạc lễ cưới của người Khmer Nam Bộ đã có sự thay đổi một số nhạc khí mới nhằm để tăng thêm hiệu quả diễn tấu. Một vài nhạc khí khác còn lại vẫn được giữ nguyên

Bảng phân loại các nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới truyền thống của người Khmer

TT	TÊN NHẠC KHÍ	HỌ NHẠC KHÍ	CHI
1	Kèn Pây - O	Hơi	Hơi dăm kép
2	Kèn Pây Puộc	Hơi	Hơi dăm đơn
3	Đàn Chhay Điêu	Dây	Dây gảy
4	Đàn Truô Khmer	Dây	Dây kéo cung vĩ
5	Đàn Chapây Chom riêng	Dây	Dây gảy
6	Skô Dây	Màng rung	Màng rung vỗ
7	Chhum	Tự thân vang	Tự thân vang đập

trong biên chế dàn nhạc. Hiện nay, dàn nhạc lễ cưới của người Khmer ở Sóc Trăng có biên chế như sau: *Khloy* (ống tiêu), đàn *Truô Sô* (đàn cò), đàn *Truô U* (đàn gáo), đàn *Khum Tôch* (đàn tam thập lục nhỏ), trống *Skô Chhơ* (1 đôi) và *Chhung* (chũm chọe). Đôi khi có nơi người ta còn bổ sung thêm nhạc khí *Lôô* (Chiêng) và *Krap* (Phách) nhằm tăng thêm hiệu quả của dàn nhạc.

5. Múa trong lễ cưới truyền thống

Múa nghi lễ (múa thiêng) đóng một vai trò quan trọng không thể thiếu được nhằm để trình diễn kết hợp cùng âm nhạc trong thực hành nghi lễ của người Khmer Nam Bộ. "Người Khmer là một dân tộc ưa nhảy múa, nhảy múa ở bất cứ đâu và lúc nào. Vì thế, hầu như trong tất cả các nghi lễ tín ngưỡng dân gian đều hiện

Bảng phân loại nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới ngày nay của người Khmer

TT	TÊN NHẠC KHÍ	HỌ NHẠC KHÍ	CHI
1	Khôy	Hơi	Hơi lỗ thổi
2	Đàn Truô Sô	Dây	Dây kéo cung vĩ
3	Đàn Truô U	Dây	Dây kéo cung vĩ
4	Đàn Chapây Chom riêng	Dây	Dây gảy
5	Đàn Tà Khê	Dây	Dây gõ
6	Đàn Khum Tôch	Dây	Dây gõ
7	Skô Chhơ (Skôr ka)	Màng rung	Màng rung vỗ
8	Chhung	Tự thân vang	Tự thân vang đập
9	Krap	Tự thân vang	Tự thân vang đập
10	Lôô	Tự thân vang	Tự thân vang gõ

Bảng so sánh các nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới cổ truyền và dàn nhạc lễ cưới ngày nay của người Khmer

TT	DÀN NHẠC LỄ CƯỚI CỔ TRUYỀN	DÀN NHẠC LỄ CƯỚI NGÀY NAY	HỌ	CHI
1	Kèn Pây - O	Khloy	Hơi	Hơi lỗ thổi/Hơi dăm đơn
2	Kèn Pây Puộc	Đàn Truô Sô	Dây	Hơi dăm đơn/ Dây kéo cung vĩ
3	Đàn Truô Khmer	Đàn Truô U	Dây	Dây kéo cung vĩ
4	Đàn Chapây Chom riêng	Đàn Chapây Chom riêng	Dây	Dây gõ
5	Đàn Chhay Diêu	Đàn Tà Khê	Dây	Dây gảy
6	X	Đàn Khum Tôch	Dây	Dây gõ
7	Skô Dây	Skôr Chhơ	Màng rung	Màng rung vỗ
8	Chhung	Chhung	Tự thân vang	Tự thân vang đập
9	X	Krap	Tự thân vang	Tự thân vang đập
10	X	Lôô	Tự thân vang	Tự thân vang gõ

diện của múa" (Nguyễn Thụy Loan 2012). Lễ cưới của người Khmer Nam Bộ theo phong tục cổ truyền là một diễn trình thực hiện những nghi thức, trò diễn nối tiếp nhau. Mỗi trò diễn đều gắn với một truyền thuyết tôn giáo, một huyền thoại, một thần tích mà bất cứ một đám cưới cổ truyền nào cũng không được bỏ qua. Trong đó, vai trò của dân nhạc lễ cưới và vai trò diễn xướng của ông Môha là rất quan trọng, mà theo nghi thức xưa bắt buộc phải có, để thực hành các lễ thức trên và giúp vui cho buổi lễ. Dân nhạc cưới đệm cho những bài ca đặc biệt chỉ dành cho lễ cưới, còn ông Môha vừa diễn trò, vừa múa hát.

Múa trong lễ cưới truyền thống của người Khmer được xem như một trò diễn, người ta sử dụng múa kết hợp với âm nhạc là sự thể hiện về nội dung và ý nghĩa của những nghi lễ mà trong nghi thức của nó đòi hỏi phải có múa. Người múa trong lễ cưới theo phong tục thì bắt buộc phải là một trong các ông Môha thực hiện. Vì vậy mà ông Môha không chỉ là người am tường phong tục tập quán Khmer, biết rành âm nhạc truyền thống Khmer, mà còn phải biết múa và múa phải đúng theo lễ tiết cần có trong nghi thức lễ. Múa trong lễ cưới mang tính tượng trưng và ước lệ nhưng lại là yếu tố cần và đủ để làm rõ thêm nội dung ý nghĩa cho các nghi thức trong lễ cưới như: *Lễ cắt hoa cau, lễ mở cổng rào, lễ mở màn phòng hoa chúc, lễ mở nắp mâm trầu cau, lễ dè chỉ cột tay, lễ quét chiếu, lễ cuốn chiếu...* Theo Hoàng Tú: "Thường thì mỗi lễ tiết dù có diễn trò hay không cũng đều là một cách trình diễn của lễ cưới, một biểu hiện của phong tục và được chi phối bởi tín ngưỡng tôn giáo. Nhưng những lễ trọng thường có lễ tiết đi kèm với trò diễn, múa ca tô điểm thêm ý nghĩa nhân sinh, dân tộc xã hội cộng đồng" (2012: 103).

Tóm lại, thực hành lễ cưới và âm nhạc trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng là một hiện tượng văn hóa dân tộc. Đây

là một hình thức diễn xướng dân gian tổng hợp. Các bài bản âm nhạc và nhạc khí trong dân nhạc lễ cưới của người Khmer mang một giá trị văn hóa và tính nhân văn sâu sắc. Trong xu thế biến đổi văn hóa hiện nay, hoạt động âm nhạc trong lễ cưới cổ truyền của người Khmer ở Sóc Trăng nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung đang trên đà biến dạng và bị mai một dần do chịu ảnh hưởng của sự biến động xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Vì vậy, cần phải có những giải pháp để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của nó trong thời đại ngày nay.

6. Kết luận

Lễ cưới truyền thống của người Khmer Nam Bộ có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó là một trong số các nghi thức được coi trọng nhất trong nghi lễ vòng đời người. Bởi vì theo quan niệm của mọi người, đám cưới được coi như là một sự thừa nhận về mặt dư luận. Đám cưới không còn là việc của cá nhân mà là của gia đình, dòng họ. Nó bao hàm cả danh dự, uy tín, vị thế của hai gia đình. Vì thế đám cưới khó có thể thoát li ra khỏi tính cộng đồng.

Lễ cưới truyền thống của người Khmer Nam Bộ được diễn ra với nhiều nghi thức trang trọng, trước sự chứng kiến của trời đất, tổ tiên, họ hàng, bè bạn gần xa, nhất là trước sự có mặt của các vị sư sãi tụng kinh chúc phúc. Mỗi nghi thức đều có tính triết lý cao, có ý nghĩa giáo dục đạo đức, cho nên những nghi thức đó không chỉ có ý nghĩa trong ngày cưới, mà nó còn in đậm dấu ấn sâu sắc vào đời sống tinh thần của đôi vợ chồng trong suốt cả cuộc đời.

Lễ cưới truyền thống của người Khmer Nam Bộ tuy có nhiều nghi thức phức tạp, nhưng trong mỗi nghi thức đều chứa đựng một ý nghĩa riêng, hoặc một ý nghĩa văn hóa, một triết lý sống của con người. Xét về quan điểm truyền thống, thì từ xưa đến nay, người Khmer vẫn xem lễ cưới là một sinh hoạt thuộc lĩnh vực văn hóa dân gian, gắn liền với gia phong và phong tục tập quán của cộng đồng.

Điều đặc biệt trong lễ cưới truyền thống của người Khmer Nam Bộ là ở mỗi lễ thức đều có lời ca, bản nhạc, điệu múa đặc trưng đầy hình tượng để minh họa. Có thể đánh giá rằng, lễ cưới của người Khmer không chỉ thuần túy là một hình thức tổ chức thông tin về sự kiện hôn nhân của hai vợ chồng son, của gia đình hai họ, mà nó còn chứa đựng nhiều triết lí sống, chứa đựng các giá trị xã hội, các nhân tố đạo đức, và là một hình thức nghệ thuật diễn xướng tổng hợp của dân tộc. Về lĩnh vực âm nhạc, các bài bản trong lễ cưới đã đóng góp vào kho tàng dân ca Khmer Nam Bộ với khoảng 96 bài hát. Tuy nhiên, hiện nay chỉ còn một số địa phương lưu giữ được những bài bản cổ truyền trong lễ cưới truyền thống, nhưng nhìn chung không được đầy đủ vì đã bị thất truyền, mất mát khá nhiều về số lượng bài bản.

Vì lễ cưới của người Khmer nếu theo đúng các nghi thức xưa thì quá phức tạp, tốn kém và kéo dài thời gian, nên hiện nay người ta đã bỏ đi nhiều lễ tiết không còn phù hợp với xu thế biến đổi trong thực hành văn hóa, đồng thời cũng có những cải tiến linh hoạt cho phù hợp với bối cảnh mới. Ở những gia đình nghèo, tài chính eo hẹp, hay ở các đám cưới giữa cô dâu chú rể là người Việt - Khmer, Hoa - Khmer đã pha trộn các lễ tiết của cả hai tộc người, thì các thủ tục không còn đầy đủ như đã mô tả. Mặc dù lễ cưới của người Khmer ngày nay đã bỏ đi rất nhiều lễ tiết, nhưng vẫn giữ lại những nghi thức mang đậm dấu ấn Phật giáo như tục mời sư sãi đến tụng kinh chúc phúc.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, nước ta đang bước vào thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chắc chắn sẽ có những tác động lớn đến đời sống văn hóa, xã hội của người Khmer, trong đó có hôn nhân. Lễ cưới theo phong tục cổ truyền của người Khmer Nam Bộ là một hoạt động văn hóa dân gian đặc sắc, âm nhạc trong lễ cưới truyền thống Khmer là di sản văn hóa phi vật thể quý giá, vì vậy, cần

phải được nghiên cứu, sưu tầm, khai thác và phát huy nhằm bảo vệ những giá trị nhân văn của nó trong đời sống văn hóa của cộng đồng người Khmer Nam Bộ hiện nay. ■

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt:

1. Sơn Ngọc Hoàng, Đào Huy Quyền, Ngô Khi (2007), *Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng*, Nxb. Tổng hợp Tp.HCM.
2. Võ Thành Hùng (2010), *Nghi lễ vòng đời người Khmer tỉnh Sóc Trăng*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
3. Nguyễn Thụy Loan (2012), "Tín ngưỡng, tôn giáo và ca nhạc cổ truyền" trong *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ.
4. Nguyễn Thụy Loan (2012), "Múa nghi lễ (múa thiêng)" trong *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ.
5. Sơn Lương (2014), "Lễ cưới của người Khmer Sóc Trăng", Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Trà Vinh.
6. Hoàng Túc (1988), "Nghệ thuật âm nhạc và biểu diễn của người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long" trong *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.
7. Hoàng Túc (2011), *Diễn ca Khmer Nam Bộ*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Nxb. Thời Đại.
8. Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2012), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
9. Thạch Voi (1988), "Khái quát về người Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long" trong *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb. Hậu Giang.
10. Thạch Voi (1993), "Tín ngưỡng - tôn giáo của người Khmer vùng ĐBSCL" trong *Về văn hóa của đồng bào Khmer ở ĐBSCL*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Thạch Voi (1993), *Phong tục tập quán của người Khmer vùng ĐBSCL*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Thạch Voi - Hoàng Túc (1988), "Phong tục lễ nghi của người Khmer ĐBSCL" trong *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb. Hậu Giang.
13. Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Nguyễn Văn Hoa, Minh Luân (1986), *Dân ca Hậu Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Hậu Giang.

Tiếng Khmer:

14. Chapin (1965), *Nghi lễ cưới hỏi*, Nxb. Pich Nil.
15. Chhên Pôn - Pich Tum Kravel (2006), *Dol trây, Rôbăm & La khône Khmer* (Âm nhạc - múa và sân khấu Khmer), Nxb. Phnôm Pênh.
16. Chhưng Thanh Sô Phone (2003), *Nghi lễ truyền thống Khmer*, Nxb. Phnôm Pênh.
17. Hun Sa Rinh (2004), *Khmer Orchestra* (Dàn nhạc Khmer), Bộ Văn hóa và Nghệ thuật CPC, Nxb. Phnôm Pênh.
18. Nhiều tác giả (1970), *Tóm tắt về âm nhạc Khmer*, Viện Phật học, Phnôm Pênh.

ThS. SƠN NGỌC HOÀNG

Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Sóc Trăng